

UBND HUYỆN CẦN GIỜ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1241/GDĐT

V/v thực hiện miễn, giảm học phí, tiền tổ
chức học hai buổi ngày cho học sinh năm
học 2020-2021.

Cần Giờ, ngày 18 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Hiệu trưởng các trường Mầm Non (công lập, ngoài công lập),
Tiểu học, Trung học cơ sở.

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-GDDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 (sau đây gọi tắt là Thông tư 09);

Căn cứ quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ quyết định số 3582/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố ngày 12 tháng 7 năm 2016 về phê duyệt chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Hướng dẫn số 3841/HDLS-SGDĐT-SLĐTBXH-STC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Sở Liên Sở Giáo dục - Đào tạo, Sở Lao động thương binh xã hội, Sở Tài chính về thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên từ năm học 2016-2017 đến năm 2020-2021 (sau đây gọi tắt là Hướng dẫn số 3841);

Căn cứ Văn bản số 1783/HD-LĐTBXH-GDĐT ngày 19 tháng 4 năm 2007 của Liên Sở Lao động thương xã hội - Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí và tiền cơ sở vật chất cho học sinh, sinh viên thuộc diện hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 5065/UBND-VX ngày 04 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về miễn học phí cho học sinh xã Thạnh An - huyện Cần Giờ;

Căn cứ Nghị Quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố giao đoạn 2019-2020

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 15 tháng 03 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo giao đoạn 2019-2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 07/2019/QĐ - UBND);

Căn cứ công văn số 765/UBND ngày 08 tháng 03 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về triển khai thực hiện chính sách, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo theo mức chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Nghị Quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của hội đồng nhân dân Thành phố;

Căn cứ công văn số 473/BGNCBV ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Ban giảm nghèo bền vững huyện Cần Giờ về thực hiện chính sách hỗ trợ giáo dục cho hộ nghèo, hộ cận nghèo giao đoạn 2019-2020;

Để có cơ sở và số liệu tổng hợp, đối chiếu chính xác tiếp theo đó phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và Phòng Tài chính - Kế hoạch trình Thường trực Ủy ban nhân dân huyện giao dự toán kinh phí miễn, giảm học phí và tiền tổ chức học hai buổi ngày cho học sinh năm học 2020-2021, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ đề nghị Hiệu trưởng các trường thực hiện, cụ thể như sau:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

1. Phạm vi áp dụng:

- Áp dụng đối với tất cả các loại hình nhà trường ở các cấp học, trình độ đào tạo và cơ sở giáo dục khác của hệ thống giáo dục quốc dân.
- Áp dụng với trẻ em học mầm non, học sinh phổ thông.

2. Đối tượng áp dụng:

2.1. Đối tượng không phải đóng học phí: Học sinh tiểu học trường công lập.

2.2. Đối tượng được miễn học phí:

a) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được hợp nhất tại văn bản số 01/VBHN-VPQH ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Văn phòng Quốc hội. Cụ thể:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có);

- Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945

đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

b) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo 1,2,3a hoặc hộ cận nghèo theo quy định của Thành phố.

c) Người từ 16 đến 22 tuổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội cho đối tượng bảo trợ xã hội mà đang học phổ thông, học nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học văn bằng thứ nhất. Cụ thể:

- Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;
- Mồ côi cả cha và mẹ;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật;
- Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
- Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;
- Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

d) Trẻ em, học sinh là con thứ nhất, thứ hai thuộc hộ nghèo nhóm 1, 2 của Thành phố đang theo học tại các trường từ mẫu giáo đến trung học phổ thông công lập và ngoài công lập, trung tâm giáo dục thường xuyên, sinh viên thuộc

hộ nghèo nhóm 1,2 thuộc chuẩn nghèo Thành phố đang học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập;

e) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân: theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2012/TTLT-BQP-BTC ngày 06/3/2012 của Liên Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2011/NĐ-CP ngày 29/9/2011 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với gia đình hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ;

f) Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Cụ thể:

- Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu;

- Vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn được xác định theo các văn bản quy định tại phụ lục I kèm theo Thông tư 09.

g) Học sinh cư trú trên địa bàn xã đảo Thạnh An huyện Cần Giờ theo Công văn số 5065/UBND-VX ngày 04 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm:

- Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên;

- Học sinh, sinh viên là con thứ ba của hộ nghèo nhóm 1, 2 thuộc chuẩn nghèo của Thành phố đang học từ mẫu giáo đến trung học phổ thông công lập và ngoài công lập, trung tâm giáo dục thường xuyên, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập.

- Học sinh là con thứ nhất và con thứ 2 của hộ nghèo nhóm 3a và hộ cận nghèo Thành phố đang học từ mẫu giáo đến Trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên công lập và ngoài công lập.

2.4. Đối tượng được miễn, giảm tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:

Đối tượng miễn 100% tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:

- Áp dụng với học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục **từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông** trên địa bàn thành phố thuộc các đối tượng tại tiết d điểm 2.2 thuộc khoản 2 Mục I của Công văn này.

Đối tượng được giảm 50% tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:

- Áp dụng với học sinh đang học tại các cơ sở giáo dục **từ cấp tiểu học đến trung học phổ thông** trên địa bàn thành phố thuộc các đối tượng tại gạch đầu dòng thứ hai và thứ ba điểm 2.3 thuộc khoản 2 Mục 1 của Công văn này.

*** Giải thích từ ngữ:**

1. Hộ nghèo:

Hộ nghèo thành phố: là những hộ dân thành phố (có hộ khẩu thường trú và tạm trú ổn định trên 06 tháng) có 01 hoặc cả 02 tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người từ 28 triệu đồng/người/năm trở xuống.
- Có tổng số điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

Hộ nghèo thành phố được chia thành 03 nhóm hộ để tổ chức thực hiện các chính sách tác động hỗ trợ giảm nghèo theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Nhóm 1 (N01): Là hộ dân có thu nhập bình quân đầu người từ 28 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.
- Nhóm 2 (N02): Là hộ dân có thu nhập bình quân đầu người từ 28 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm).
- Nhóm 3 (N03): Là hộ dân có thu nhập bình quân đầu người trên 28 triệu đồng/người/năm và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

2. Hộ cận nghèo (HCN):

Hộ cận nghèo thành phố: là những hộ dân thành phố (có hộ khẩu thường trú và tạm trú ổn định trên 06 tháng) có 02 tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân đầu người trên 28 triệu đồng/người/năm đến 36 triệu đồng/người/năm.
- Có tổng số điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm)".

II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ:

1. Học phí đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông:

Áp dụng mức học phí của năm học do cấp có thẩm quyền ban hành để làm cơ sở tính mức miễn, giảm học phí cho học sinh. Cụ thể mức học phí áp dụng từ năm học 2016 - 2017 đến năm học 2020 - 2021 theo quy định tại Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Đối với trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ngoài công lập thì mức học phí được miễn, giảm áp dụng theo mức học phí của trường công lập cùng cấp trên địa bàn.

2. Tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày:

Các cơ sở giáo dục phải thực hiện miễn, giảm theo hướng dẫn này và sẽ được ngân sách cấp bù theo mức quy định chung của thành phố, trường hợp mức thu của trường thấp hơn mức ngân sách cấp bù thì sẽ được cấp bù theo mức thu thực tế.

III. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỰC HIỆN:

1. Đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông:

1.1. Hồ sơ:

- Danh sách miễn, giảm tiền học phí, tiền học hai buổi ngày cho học sinh năm học 2018 - 2019 (mẫu số 1)

- Bảng tổng hợp miễn, giảm tiền học phí, tiền học hai buổi ngày cho học sinh năm học 2018 - 2019 (mẫu số 2)

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (bao gồm tiền tổ chức dạy học 2 buổi ngày): mẫu đơn theo phụ lục II của Thông tư 09.

- Bản sao chứng thực giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí đối với các đối tượng sau:

+ Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công đối với đối tượng được quy định tại Điểm a Khoản 2.2 của Hướng dẫn số 3841.

+ Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện và giấy tờ chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban Nhân dân Phường xã - thị trấn cấp hoặc xác nhận đối với đối tượng này được quy định tại điểm b Khoản 2.2 của của Hướng dẫn số 3841.

+ Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận-huyện; Quyết định về việc tiếp nhận đối tượng xã hội vào nuôi dưỡng tập trung của Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Thành phố; Quyết định tiếp nhận đối tượng của cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập đối với đối tượng được quy định tại Điểm c Khoản 2.2 của của Hướng dẫn số 3841.

+ Giấy chứng nhận hộ nghèo do Ủy ban Nhân dân Phường - xã - thị trấn cấp hoặc xác nhận cho đối tượng quy định tại điểm d Khoản 2.2 của của Hướng dẫn số 3841.

+ Giấy chứng nhận đối tượng được hưởng chế độ miễn học phí theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 20/2012/TTLT-BQP-BTC ngày 06/3/2012 của Liên Bộ Quốc phòng và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2011/NĐ-CP ngày 29/9/2011 của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với gia đình hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ đối với đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 2.2 của Hướng dẫn số 3841.

+ Giấy khai sinh và giấy tờ chứng minh là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn xác nhận cho đối tượng được quy định tại Điểm g Khoản 2.2 của Hướng dẫn số 3841.

+ Giấy khai sinh và sổ hộ khẩu thường trú hoặc giấy đăng ký tạm trú đối với đối tượng được quy định tại Điểm k Khoản 2.2 và gạch đầu dòng thứ ba Điểm a Khoản 2.3 của Hướng dẫn số 3841.

+ Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở đối với đối tượng được quy định tại điểm m khoản 2.2 của Hướng dẫn số 3841.

+ Sở hưởng trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp đối với đối tượng được quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2.3 của Hướng dẫn số 3841.

+ Giấy tờ chứng minh là hộ nghèo và hộ cận nghèo do Ủy ban Nhân dân Phường - xã - thị trấn cấp hoặc xác nhận cho đối tượng được quy định tại gạch đầu dòng thứ hai và thứ ba điểm b khoản 2.3, khoản 2.4 và điểm b, c khoản 2.5 của Hướng dẫn số 3841;

*** Lưu ý:**

a) Đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập, chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ và các giấy tờ liên quan nói trên kèm các đơn theo mẫu (phụ lục II và III) của Thông tư 09;

b) Người học thuộc diện được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học kỳ tiếp theo. Việc cấp giấy chứng nhận được thực hiện theo quy định sau:

+ Học kỳ I: Ban giám nghèo bền vững phường - xã - thị trấn căn cứ Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm đầu năm để cấp giấy chứng nhận để học sinh, sinh viên hộ nghèo, hộ cận nghèo nộp cho cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố thực hiện xét miễn, giảm học phí;

+ Học kỳ II: Ban giám nghèo bền vững phường - xã - thị trấn căn cứ kết quả kiểm tra hiệu quả giảm nghèo cuối năm (đã có Quyết định công nhận) để cấp giấy chứng nhận cho học sinh, sinh viên hộ nghèo, hộ cận nghèo nộp cho cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố thực hiện xét miễn, giảm học phí.

Ví dụ: Năm học 2020-2021, việc cấp giấy chứng nhận được thực hiện như sau:

Đối với học kỳ I: Ban giám nghèo bền vững phường - xã - thị trấn căn cứ Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo tại thời điểm đầu năm 2020 để cấp giấy chứng nhận học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nộp cho cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố thực hiện xét miễn, giảm học phí học kỳ I;

Đối với học kỳ II: Ban giám nghèo bền vững phường - xã - thị trấn căn cứ kết quả kiểm tra hiệu quả giảm nghèo cuối năm 2020 (đã có Quyết định công nhận) để cấp giấy chứng nhận học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo nộp cho cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố thực hiện xét miễn, giảm học phí học kỳ II.

1.2. Trình tự thực hiện:

Trong vòng 45 ngày kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông có Đơn đề nghị miễn, giảm học phí và bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí gửi cơ sở giáo dục.

1.3. Trách nhiệm xét duyệt và thẩm định hồ sơ:

- Đối với trường mầm non và trung học cơ sở: Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xét duyệt hồ sơ và lập danh sách học sinh được miễn, giảm học phí gửi phòng giáo dục và đào tạo;

Thời gian học sinh bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

2. Đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập:

2.1. Hồ sơ:

- Đơn đề nghị miễn, giảm học phí (bao gồm tiền tổ chức dạy học 2 buổi/ngày): mẫu đơn theo phụ lục V của Thông tư 09.

a) Tùy theo từng đối tượng được miễn, giảm học phí kèm theo đơn là bản sao chứng thực một trong các giấy tờ được quy định tại Điểm 1.1 Khoản 1 Mục III của Công văn này.

b) Đối với trẻ em mẫu giáo và học sinh phổ thông vừa thuộc diện được miễn, giảm học phí vừa thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập, chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ các giấy tờ liên quan nói trên kèm các đơn theo mẫu (phụ lục III và phụ lục V) của Thông tư 09;

c) Người học thuộc diện được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo thì vào đầu mỗi học kỳ phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo;

2.2. Trình tự thực hiện:

Trong vòng 45 ngày kể từ ngày bắt đầu khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông; học sinh, sinh viên học ở các cơ sở giáo dục phải làm đơn có xác nhận của nhà trường gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Trách nhiệm xét duyệt và thẩm định hồ sơ:

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông: Trong vòng 10 ngày kể từ khi nhận được đơn đề nghị cấp bù học phí, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xác nhận đầy đủ các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Thông tư 09.

b) Thủ trưởng các cơ sở giáo dục hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đã xác nhận trên đơn đề nghị của người học.

c) Đối với các lần cấp bù tiền miễn, giảm học phí các lần sau, người học không phải làm đơn đề nghị cấp bù tiền miễn, giảm học. Trong vòng 30 ngày kể từ khi bắt đầu học kỳ mới cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có trách nhiệm cấp cho người học Giấy xác nhận được quy định tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư 09.

Thời gian học sinh, sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được cấp bù tiền miễn, giảm học phí.

IV. PHƯƠNG THỨC CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ:

1. Phương thức cấp bù tiền miễn, giảm học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập:

Kinh phí thực hiện cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông được ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo hình thức giao dự toán. Việc phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập được thực hiện đồng thời với thời điểm phân bổ dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Khi giao dự toán cho các cơ sở giáo dục, cơ quan chủ quản phải ghi rõ dự toán kinh phí thực hiện chính sách cấp bù học phí cho người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí đang theo học tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập.

Khi rút dự toán kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí, cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông phải gửi cơ quan Kho bạc nhà nước nơi đơn vị giao dịch bản tổng hợp đề nghị cấp bù tiền học phí miễn, giảm (gồm các nội dung: Họ tên người học thuộc diện được miễn, giảm học phí hiện đang theo học tại trường; mức thu học phí của nhà trường; mức học phí miễn, giảm và tổng nhu cầu kinh phí đề nghị cấp bù).

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp bù tiền học phí miễn, giảm cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập được tự chủ sử dụng theo quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phương thức chi trả tiền miễn, giảm học phí ở các cơ sở giáo dục ngoài công lập:

a) Phòng giáo dục và đào tạo chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí cấp bù học phí trực tiếp bằng tiền mặt (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả) cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở;

b) Kinh phí cấp bù tiền miễn, giảm học phí được cấp không quá 9 tháng/năm học đối với học sinh mầm non và phổ thông) và thực hiện 2 lần trong năm: Lần 1 chi trả 4 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11; Lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4;

c) Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông chưa nhận tiền cấp bù học phí theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

Ghi chú: Đối với quỹ 156 (thuộc diện hộ có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư) chỉ áp dụng cho các trường từ tiểu học đến THCS. Quy trình thực hiện cũng giống như trên. Nếu diện tích bị thu hồi đất của hộ dân dưới 30% thì không được giải quyết vì không đúng với quy định tại Khoản 3 Điều 3 về mức thu và quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho

người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố được ban hành kèm theo quyết định số 156/2006/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của ủy ban nhân dân thành phố. (đơn đề nghị miễn tiền học phí, học hai buổi/ngày giống như năm học 2015 - 2016).

V. THỜI GIAN THỰC HIỆN:

Tất cả các nội dung nêu trên đơn vị thực hiện trên excel, font chữ Time new Roman, bảng mã unicode, kiểu gõ Vni và gửi mỗi thứ 02 bộ bằng giấy có dấu về cho Bà Lê Uyên Phương và địa chỉ email: dntnkdvangphuongnam@gmail.com. **Phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giờ sẽ không nhận hồ sơ sau thời gian quy định.** Thời gian nộp hồ sơ về Phòng giáo dục cụ thể như sau:

- Miễn giảm học phí, hai buổi học kỳ I năm học 2020-2021: chấm nhất ngày 15/10/2020

- Miễn giảm học phí, hai buổi học kỳ II năm học 2020-2021: chậm nhất ngày 12/01/2021

Trên đây là hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ về việc thực hiện miễn, giảm tiền học phí, tiền học hai buổi ngày cho học sinh năm học 2020-2021, đề nghị Hiệu trưởng các trường nghiên cứu và thực hiện đúng theo qui định. Trong quá trình thực hiện nếu các đơn vị có vướng mắc, khó khăn liên hệ trực tiếp Bà Lê Uyên Phương, di động 0367.656.482.

Nơi nhận:

- Như trên ;
- Trưởng phòng GDĐT;
- Chuyên viên P.GDĐT (Bà Trúc);
- Lưu: VT.



TRƯỞNG PHÒNG

Võ Thị Diễm Phượng

PHỤ LỤC II

Đơn đề nghị miễn, giảm học phí

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

*(Dùng cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo
và học sinh phổ thông công lập)*

Kính gửi: (Tên cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông)

Họ và tên (1):

Là Cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (2):

Hiện đang học tại lớp:

Trường:

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định 86)*

Căn cứ vào Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính Phủ, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để được miễn, giảm học phí theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn (3)

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

(1) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông ghi tên của học sinh.

(2) Nếu là học sinh phổ thông trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(3) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông.

PHỤ LỤC V

Đơn đề nghị cấp bù tiền miễn, giảm học phí

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BÙ TIỀN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

*(Dùng cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em mẫu giáo
và học sinh phổ thông ngoài công lập)*

Kính gửi: Phòng giáo dục và đào tạo/sở giáo dục và đào tạo (1)

Họ và tên (2):

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em (3):

Hiện đang học tại lớp:

Là học sinh trường:

Thuộc đối tượng: *(ghi rõ đối tượng được quy định tại Thông tư liên tịch hướng dẫn Nghị định 86)*

Căn cứ vào Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ, em làm đơn này đề nghị được xem xét để được cấp bù học phí theo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn (4)

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Cơ sở giáo dục ngoài công lập (5)

Xác nhận em:

Hiện đang học tại lớp Học kỳ: Năm học:

....., ngày ... tháng ... năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

(1) Trẻ em học mẫu giáo, học sinh trung học cơ sở gửi phòng GD và ĐT; học sinh học trung học phổ thông gửi sở GD và ĐT.

(2) Đối với đối tượng là trẻ em mẫu giáo ghi tên cha mẹ (hoặc người giám hộ), đối với học sinh phổ thông ghi tên của học sinh.

(3) Nếu là học sinh phổ thông trực tiếp viết đơn thì không phải điền dòng này.

(4) Cha mẹ (hoặc người giám hộ)/học sinh phổ thông.

(5) Dùng cho cơ sở giáo dục ngoài công lập.

PHỤ LỤC VII

GIẤY XÁC NHẬN

(Kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN

(Dùng cho các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế)

Kính gửi:(1)

Phần I: Dùng cho cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông ngoài công lập xác nhận

Trường:

Xác nhận em:

Hiện đang học tại lớp Học kỳ: Năm học:

Phần II: Dùng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học ngoài công lập hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học thuộc doanh nghiệp nhà nước xác nhận

Trường:

Xác nhận anh/chị:

Hiện là học sinh, sinh viên năm thứ Học kỳ: Năm học: khoa: khóa học thời gian khóa học (năm);

Hình thức đào tạo: (ghi rõ hình thức đào tạo: chính quy, liên thông ...).

Kỷ luật: (ghi rõ mức độ kỷ luật nếu có).

Mức thu học phí:đồng/tháng (nếu thu học phí theo tín chỉ thì phải quy đổi về mức thu theo niên chế).

Đề nghị phòng giáo dục đào tạo/sở giáo dục và đào tạo/phòng lao động-thương binh và xã hội xem xét giải quyết tiền hỗ trợ miễn, giảm học phí chotheo quy định và chế độ hiện hành.

....., ngày ... tháng ... năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

(1) Trẻ em học mẫu giáo, học sinh trung học cơ sở: gửi phòng GD và ĐT; học sinh học trung học phổ thông: gửi sở GD và ĐT; học sinh, sinh viên học ở cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học: gửi Phòng lao động-thương binh và xã hội.

